

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 56/2020/HS-ST

Ngày: 09/12/2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Tự Soái.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Bạ và ông Huỳnh Trí Dũng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Nguyệt Sương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Ông Ngô Thương Tín- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần H**, sinh ngày 06 tháng 12 năm 1997 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông không rõ và bà Trần Thị T (sinh năm 1965); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

\* *Bị hại:* Ông Lê A, sinh năm 1991; trú tại: thôn H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

\* *Người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn T, sinh năm 1988; trú tại: thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

\* *Người làm chứng:*

1. Ông Từ L, sinh năm 1963; trú tại: thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

2. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1987; trú tại: thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

3. Bà Ngô Thị Đ, 1992; trú tại: thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

4. Bà Trương Thị N, sinh năm 1991; trú tại: thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn T là đối tượng có quen biết ngoài xã hội với ông Lê A và có nợ ông A số tiền 500.000 đồng. Sáng ngày 13/6/2020, Ngô Thị Đ (là em vợ của T) chuyển cho vợ T là Ngô Thị N qua thẻ ATM số tiền 5.000.000 đồng để N rút về nhưng do bị thất lạc thẻ nên N không rút được. Do Lê A kinh doanh dịch vụ chuyển tiền Viettel nên T nói N chuyển số tiền 5.000.000 đồng qua tài khoản của A để A rút tiền mặt đưa cho N, phí chuyển là 100.000 đồng thì các bên đồng ý giao dịch. Sau khi N chuyển tiền, A dặn vợ là Trương Thị N khi N qua lấy tiền thì trừ tiền T nợ A 500.000 đồng, còn gửi lại N số tiền 4.400.000 đồng. Khoảng 09 giờ cùng ngày thì N và Đ đi đến cửa hàng của vợ chồng A (thuê tại thôn V, xã P) để lấy tiền thì N chỉ chịu đưa 4.400.000 đồng nên N và Đ không đồng ý. N và Đ sang quán mì đối diện cửa hàng của A, lúc này N gọi điện cho T đến để giải quyết việc tiền nong giữa T và A. T nghe N gọi thì T điều khiển xe mô tô biển số 43M1-5771 đi qua cửa hàng của A, khi đi T mang theo một cái rựa (giống câu liêm) mục đích để đi làm trên núi sau khi giải quyết xong chuyện tiền nong với A. T ghé vào nhà Trần H, chờ H đi cùng để nhờ H chạy xe của T về lại nhà giúp T khi T đi núi. Trên đường đi giữa T và H không trao đổi, bàn bạc gì với nhau. Đến cửa hàng của A, T cầm rựa đi vào la ré, chửi N vì sao không đưa đủ tiền cho N, còn H đứng tại vị trí xe máy phía ngoài đường trước cửa hàng. Sau khi cãi nhau với N, T không nói gì với H mà cầm rựa sang bên kia đường đứng cùng N và Đ. Một lát sau, lúc này khoảng 09 giờ cùng ngày, nhìn thấy A đi xe mô tô về thì T cầm rựa đến vị trí của A, hai bên nói qua lại thì T cầm rựa đuổi A chạy vào sân nhà ông Từ L (thôn V, xã P). Tiếp đó T và A ôm vật nhau ngã xuống đất và giằng co cái rựa, ông Từ L ở trong nhà nhìn thấy nguy hiểm nên chạy ra giật cái rựa trên tay T. Trần H lúc này thấy T bị A đè xuống nằm dưới nền, A nằm trên, do lo sợ T bị A đánh nên H nhặt một cục đá bên đường chạy đến chỗ A và T, dùng hai tay giơ lên đập xuống vùng đỉnh đầu phải của A một cái làm A bị thương tích, choáng váng buông thả T ra. Lúc này thấy có nhiều người nên H và T lấy xe bỏ về, còn A được mọi người đưa đi cấp cứu.

Ngày 07/7/2020, Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Nam có Kết luận giám định số: 235/GĐTT.20 kết luận tỷ lệ thương tích của Lê A:

- Vùng đỉnh phải còn dấu sưng nề, tụ máu dưới da, không thấy xát da, ấn đau. Bệnh nhân còn đau đầu, chóng mặt. Tay, chân vận động gấp, duỗi và đi lại được bình thường. Sang chấn này do vật tày tác động gây nên. Hướng từ trên xuống dưới. Tỷ lệ thương tích là 05%.

- Bệnh nhân van đau vùng cổ phía sau, không thấy xát da, bầm tụ máu dưới da. Vận động gấp, ngửa và nghiêng cổ sang hai bên được bình thường. Sang chấn này do vật tày tác động gây nên. Tình trạng đau da và cơ sau thời gian điều trị sẽ khỏi nên không xếp tỷ lệ thương tích.

- Mặt sau khủy tay trái có vết xát da đã lành sẹo dài 1,5cm, rộng 1,3cm. Vết thương do vật tày tác động gây nên. Hướng từ trước ra sau. Tỷ lệ thương tích là 01%.

Tổng tỷ lệ thương tích của Lê A là 06%.

Ngày 26/6/2020, ông Lê A có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc gây thương tích cho A.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại Cáo trạng số: 41/CT-VKSĐL ngày 23/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc đã truy tố bị cáo Trần H về tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các điểm a, i khoản 1 Điều 134; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Trần H mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Về dân sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo H và bị hại A tại phiên tòa; về vật chứng đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Bị hại, người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo và những người làm chứng khai nhận sự việc như đã cung cấp trong giai đoạn điều tra.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nên xin lỗi đến bị hại, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa những người làm chứng ông Từ L, bà Ngô Thị N và bà Ngô Thị Đ vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo và xuất trình các tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Mặc dù không quen biết, không có mâu thuẫn, xích mích nhưng vào khoảng 09 giờ ngày 13/6/2020, tại khu vực thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, bị cáo Trần H có hành vi vô cớ nhặt một cục đá ven đường đập vào đỉnh đầu bên phải bị hại Lê A một cái

làm cho bị hại A bị thương tích 05%. Ngày 26/6/2020, bị hại A có đơn yêu cầu khởi tố vụ án, xử lý hành vi gây thương tích đối với mình.

Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, lời khai của bị hại, người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, biên bản tạm giữ đồ vật, bản giám định thương tích, biên bản sự việc do Công an xã P lập vào hồi 10 giờ 10 phút ngày 13/6/2020, vật chứng của vụ án cùng với các tài liệu, chứng khác có tại hồ sơ vụ án cũng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định hành vi của bị cáo Trần H đã cấu thành tội "*Cố ý gây thương tích*", tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[2.2] Bị cáo Trần H là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực nhận thức rõ và điều khiển hành vi. Mặc dù giữa bị cáo và bị hại Lê A không quen biết, không có mâu thuẫn, xích mích nhau, tuy nhiên bị cáo vô có nhặt cục đá là hung khí nguy hiểm đập vào đỉnh đầu bên phải của bị hại A gây ra thương tích 05%. Hành vi mà bị cáo thực hiện việc phạm tội là rất nguy hiểm cho xã hội, thể hiện bản tính côn đồ, xem thường pháp luật, không chỉ làm tổn hại trực tiếp đến sức khỏe của bị hại, mà còn gây ra tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Sau khi gây thương tích, trong thời gian bị hại điều trị tại bệnh viện, về nhà để dưỡng bệnh nhưng bị cáo bỏ mặc không đến thăm hỏi, chia sẻ và cũng không có thiện chí bồi thường cho bị hại, điều này cho thấy bị cáo không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, theo quy định pháp luật cần phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục riêng, đồng thời rèn đe phòng ngừa chung tội phạm là cần thiết.

Tuy nhiên xét thấy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình tố tụng bị cáo thành khẩn khai báo nhận tội là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s (khai báo thành khẩn) khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[2.3] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại Lê A bị thương tích được đưa đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía bắc Quảng Nam và bệnh viện Đà Nẵng thời gian từ ngày 13/6/2020 đến ngày 23/6/2020. Tại phiên tòa, bị hại A yêu cầu bị cáo H phải bồi thường các khoản chi phí gồm tiền viện phí 2.000.000 đồng, tiền thuốc 500.000 đồng, tiền thuê xe 1.000.000 đồng, tiền ngày công lao động mất thu nhập 4.000.000 đồng, tiền người chăm sóc mất thu nhập 3.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 1.000.000 đồng, tiền bồi dưỡng sức khỏe 500.000 đồng; tổng cộng là 12.000.000 đồng. Bị cáo Trần H thỏa thuận chấp nhận bồi thường các khoản chi phí với số tiền theo yêu cầu của bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2.4] Về xử lý vật chứng: Tang vật của vụ án là 01 cục đá tự nhiên kích thước dài 18cm, rộng nhất 10cm, cao 08cm mà bị cáo Trần H sử dụng để gây thương tích không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2.5] Về vấn đề liên quan đến vụ án: Đối với đối tượng Nguyễn T rủ bị cáo Trần H đi cùng nhưng nhằm mục đích nhờ bị cáo H điều khiển xe về nhà giúp T và T không bàn bạc, rủ rê nhờ bị cáo H cùng đi để đánh bị hại Lê A. Việc bị cáo Trần H dùng đá đánh bị hại A là do một mình bị cáo H tự ý thực hiện, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn T là có căn cứ.

Ngoài việc bị Trần H gây thương tích 05%, bị hại Lê A còn bị thương tích 01% tại vùng khủy tay do quá trình ôm vật nhau với Nguyễn T nên không đề cập xử lý. Nguyễn T có hành vi mang theo rựa đến cửa hàng của Lê A để la ré, gây mất trật tự nên Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 4.000.000 đồng là phù hợp.

[2.6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ các điểm a, i khoản 1 Điều 134; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Trần H phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

Xử phạt bị cáo Trần H **12 (Mười hai)** tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt, tạm giam bị cáo tại phiên tòa là ngày 09/12/2020.

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo Trần H phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lê A số tiền 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng y*).

*“Kể từ ngày bị hại Lê A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bị cáo Trần H không thực hiện nghĩa vụ bồi thường nêu trên thì hằng tháng bị cáo H còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm”.*

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 (*Một*) cục đá tự nhiên có kích thước dài 18cm, rộng nhất 10cm, cao 08cm (*đã được niêm phong*).

*(Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên bản giao nhận ngày 02/11/2020).*

3. Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn*

đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các cơ quan tiền tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Tự Soái**



